

**ẨN DỤ THỨC THỂ HIỆN NỖI BUỒN CỦA TRẺ THƠ
TRONG VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM
DƯỚI GÓC NHÌN NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG**

Nguyễn Thị Bích Hà

Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Quảng Ngãi

Email: ntbha@pdu.edu.vn

Ngày nhận bài: 3/3/2025; ngày hoàn thành phản biện: 17/3/2025; ngày duyệt đăng: 10/6/2025

TÓM TẮT

Ẩn dụ thức (metaphors of mood) là một trong những tiểu loại ẩn dụ ngữ pháp liên nhân theo quan điểm của nhà ngôn ngữ học Halliday (1985). Dựa trên lý thuyết của ngôn ngữ học chức năng hệ thống, bài viết đi vào phân tích, miêu tả đặc điểm ngữ pháp và chỉ ra giá trị của các ẩn dụ thức trong việc thể hiện nội dung “nỗi buồn trẻ thơ” của nhóm đối tượng yếu thế là trẻ em dựa trên nguồn ngữ liệu là các tác phẩm văn học thiếu nhi Việt Nam. Bài viết phân tích đặc điểm và giá trị biểu đạt các ẩn dụ thức trong việc thể hiện những tổn thương tâm lý, sự mất mát, thiệt thòi và mặc cảm của trẻ em. Từ đó, bài viết đề xuất các hướng nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ theo quan điểm chức năng hệ thống, nhằm nâng cao khả năng cảm thụ văn học và phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh, góp phần nuôi dưỡng sự đồng cảm và nhận thức về những vấn đề xã hội liên quan đến trẻ em.

Từ khóa: Ẩn dụ ngữ pháp, ẩn dụ thức, ngôn ngữ học chức năng hệ thống, nỗi buồn của trẻ thơ, văn học thiếu nhi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học thiếu nhi không chỉ là thế giới của những câu chuyện hồn nhiên, tươi sáng, mà còn là nơi phản ánh thế giới tinh thần của trẻ em, bao gồm cả những nỗi buồn và những tổn thương. Trong thế giới ấy, ngôn ngữ không chỉ là công cụ kể chuyện, mà còn là phương tiện tái hiện thế giới nội tâm của trẻ thơ. Một trong những cách thức quan trọng để thể hiện những trạng thái cảm xúc này chính là thông qua ẩn dụ thức – một dạng ẩn dụ ngữ pháp theo quan niệm của ngôn ngữ học chức năng hệ thống do Halliday (1985) đề xuất. Ẩn dụ thức không chỉ làm phong phú cách biểu đạt mà còn giúp độc giả hiểu rõ hơn cách ngôn ngữ phản ánh những cung bậc cảm xúc của con

người, đặc biệt là nhóm đối tượng yếu thế như trẻ em. Trong văn học thiếu nhi Việt Nam, những nỗi buồn trẻ thơ xuất hiện dưới nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau, từ cảm giác sợ hãi, đau buồn đến cảm giác cô đơn, mặc cảm. Nghiên cứu cách thức biểu đạt những nỗi buồn thông qua ẩn dụ thức không chỉ giúp làm sáng tỏ cách ngôn ngữ diễn đạt trạng thái cảm xúc mà còn mở ra góc nhìn mới trong giảng dạy và tiếp nhận văn học thiếu nhi. Bài viết này tập trung phân tích các đặc điểm của ẩn dụ ngữ pháp thức trong văn học thiếu nhi Việt Nam, qua đó chỉ ra giá trị biểu đạt của chúng trong việc tái hiện những nỗi buồn của trẻ thơ. Đồng thời, bài viết cũng đề xuất những hướng nghiên cứu ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ theo quan điểm chức năng hệ thống, nhằm nâng cao khả năng cảm thụ văn học và phát triển tư duy ngôn ngữ cho học sinh, từ đó góp phần nuôi dưỡng sự đồng cảm với trẻ em trong xã hội.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Ẩn dụ ngữ pháp thức dưới góc nhìn của ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Ẩn dụ ngữ pháp theo quan điểm ngôn ngữ học chức năng hệ thống của M.A.K Halliday là một đóng góp đáng ghi nhận trong quá trình nghiên cứu tái cấu trúc cách diễn đạt ý tưởng trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Trong cuốn *An Introduction to functional grammar* (đã được tái bản nhiều lần) để giới thiệu khái niệm “ẩn dụ ngữ pháp” (grammatical metaphor). Theo Halliday [4, tr. 701] thì “[...] Ẩn dụ ngữ pháp là sự sắp xếp lại giữa một cặp tầng: Sự ánh xạ lại của bình diện ngữ nghĩa vào bình diện ngữ pháp - từ vựng; [...] không thể có phép ẩn dụ nào mà không có sự phân tầng, và một khi bình diện nội dung đã được phân tầng, thì sự chuyển đổi như vậy sẽ tự động trở nên khả thi.” Ẩn dụ ngữ pháp liên nhân là một trong những loại ADNP mà Halliday đề cập. Ông cho rằng ADNP liên nhân là cách diễn đạt các nghĩa tình thái bên ngoài mệnh đề bằng mệnh đề phóng chiếu bổ sung. ADNP liên nhân giúp người tham gia trong giao tiếp bộc lộ tình thái như đánh giá của mình đối với hiện thực, thể hiện quan điểm, điều phối mối quan hệ trong giao tiếp. Theo Halliday [4, tr. 704] thì “ADNP liên nhân là một phần của nguyên tắc diễn đạt tính phỏng hình liên nhân: phương thức diễn đạt ẩn dụ này tạo ra một khoảng cách tín hiệu học lớn hơn giữa bình diện ngữ nghĩa và bình diện tạo lời. Quá trình này tác động đến khoảng cách xã hội giữa người nói và người nghe. Khoảng cách tín hiệu học được biểu hiện một cách trực tiếp trong bình diện ngữ pháp - từ vựng như một quá trình mở rộng tính chất ngữ đoạn của phạm vi tạo lời.” Ông cũng nhấn mạnh rằng “Ẩn dụ ngữ pháp liên nhân là một chiến lược mở rộng tiềm năng thương lượng” (Interpersonal metaphor is a strategy for expanding the potential for negotiation) [4, tr. 710]. Nếu ADNP tư tưởng được thực hiện chủ yếu bằng quá trình giảm cấp thì xu hướng trong ADNP liên nhân là “tăng cấp” mở rộng, nghĩa là từ mệnh đề đến phức thể mệnh đề. ADPN liên nhân gồm *ẩn dụ tình thái* và *ẩn dụ thức*.

Về khái niệm *ẩn dụ thức*, theo Halliday [3, tr. 573], ẩn dụ thức cho phép sử dụng các biến thể thay thế hơn là các biểu thức mặc định nhằm biểu đạt cùng một thức. Chẳng hạn thức nghi vấn dùng với chức năng yêu cầu hay bộc lộ cảm xúc... Ẩn dụ thức có thể được coi là sự thay đổi thức từ miền này sang miền khác. Như vậy, trong các ẩn dụ thức, cấu trúc một chức năng diễn ngôn thông qua một tùy thức không phù hợp trong ngữ pháp. Để minh họa, chức năng diễn ngôn yêu cầu thông thường được hiện thực hóa dưới dạng thức mệnh lệnh (imperative mood).

Halliday [3, tr. 343] đưa ra một số ví dụ điển hình về ẩn dụ thức như sau:

- Yêu cầu được hiện thực hoá với chức năng cảnh báo:

Diễn đạt ẩn dụ	I wouldn't...if I were you. (Tôi sẽ không...nếu tôi là bạn.)
Diễn đạt tương thích	don't...(Đừng...)

- Đề nghị được hiện thực hoá với chức năng đe dọa:

Diễn đạt ẩn dụ	I've a good mind to...(tôi định...)
Diễn đạt tương thích	Maybe I'll...(Có thể tôi sẽ...)

2.2. Nỗi buồn của trẻ thơ và Chấn thương tâm lý - Phân biệt và tiếp cận qua ngôn ngữ học

So với thuật ngữ “chấn thương tâm lý” là một thuật ngữ phức tạp, có tính cá nhân cao và có sự thay đổi qua các thời kì lịch sử xã hội, cũng như quan niệm khác nhau giữa các phân nhánh của tâm lý học, bài viết chỉ tìm hiểu những mất mát tổn thương về mặt tinh thần mà các em nhỏ trải qua được thể hiện trong các tác phẩm văn học thiếu nhi như là những *nỗi buồn của trẻ thơ*. Trong cuốn “Chữa lành những sang chấn tuổi thơ” [2], TS. Perry có nhắc đến mô hình 3E trong việc chẩn đoán chấn thương tâm lý (3 chữ E gồm “Event” – sự kiện có tính chất gây sang chấn, “Experience” – trải nghiệm của từng chủ thể trước sự kiện gây sang chấn, “Effect” – ảnh hưởng lâu dài của sự kiện có tính gây sang chấn lên từng chủ thể), nhưng cũng nhấn mạnh rằng việc ứng dụng mô hình 3E trong từng trường hợp cụ thể là vô cùng khác nhau. Điều này có ý nghĩa khi xem xét vấn đề sang chấn tâm lý: Một mặt, tránh đồng nhất trải nghiệm tâm lý bị xem là đau buồn với các sang chấn tâm lý. Chẳng hạn như các cảm giác đau buồn bình thường là một phần của hệ thống thần kinh con người trước các sự kiện trong đời sống, và hệ thống sinh hoá của não bộ có những cơ chế để điều hoà cảm xúc và giúp con người trở về trạng thái bình hường. Nhưng sang chấn tâm lý thì khác, đó là những trải nghiệm từ các sự kiện vượt ngưỡng, để lại vết tích trong hệ thống thần kinh, gây ra ám ảnh lâu dài ở cả tầng ý thức và vô thức, tạo ra những vòng lặp nỗi đau ở chủ thể. Việc đồng nhất trải nghiệm tâm lý thông thường với sang chấn tâm lý có thể dẫn tới việc hiểu lầm và coi thường các vấn đề sang chấn tâm lý của người khác. Mặt khác, tránh xem nhẹ các dấu hiệu, dù là nhỏ nhất của sang chấn tâm lý. Những biểu hiện suy

ngữ, cảm xúc (bị xem là tiêu cực) có thể là bề nổi, kích hoạt những sang chấn lâu dài ở bề sâu tâm lý chủ thể, vì vậy cần được xem xét kỹ lưỡng. Bài viết là bước đầu khám phá và xem xét kỹ lưỡng những suy nghĩ, cảm xúc thể hiện nỗi đau có thể xem là bề nổi để tìm hiểu những “chấn thương” tâm lý ở trẻ thơ qua việc vận dụng lý thuyết ẩn dụ ngữ pháp thức theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống. Từ việc phân tích này, bài viết tác động đến nhận thức của độc giả để hiểu hơn về thế giới tinh thần của trẻ thơ, về mặt ngôn ngữ học, bài viết mở ra những hướng tiếp cận mới trong giảng dạy ngôn ngữ, giúp người học hiểu rõ hơn về cách thức ngôn ngữ được sử dụng để tạo lập quan hệ giao tiếp và diễn đạt quan điểm trong các ngữ cảnh khác nhau.

2.3. Ngữ liệu khảo sát

Bài viết của chúng tôi lấy dữ liệu nghiên cứu là các tác phẩm truyện và thơ thuộc văn học thiếu nhi. Nếu xét từ góc độ hình thức thể loại, bao gồm các tác phẩm truyện và thơ và xét từ góc độ tác giả bao gồm tác phẩm cho thiếu nhi (người lớn viết) và tác phẩm của thiếu nhi (thiếu nhi viết): *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám* (2001), NXB Giáo dục; tác phẩm *Đất rừng phương nam* (2023) của Đoàn Giỏi; *Tuổi thơ dẫu đời* (2019) của Phùng Quán. Đối với tác giả là thiếu nhi, ngữ liệu khảo sát gồm: tập thơ *Góc sân và khoảng trời* (2003) của tác giả Trần Đăng Khoa, NXB Kim Đồng; Tập thơ *Quả địa cầu* (1988), Hoàng Hiếu Nhân, NXB Kim Đồng; *Tuyển tập truyện Lớp học gà con*, 1992 NXB Văn hoá; *Tuyển tập Đóa hoa đồng thoại* (2021), NXB Kim Đồng lần thứ 1, gồm 14 truyện, lần thứ 3 (2022) gồm 24 truyện, lần thứ 4 (2023) gồm 24 truyện. Các tác giả là thiếu nhi tham gia các cuộc thi viết được đưa vào tuyển tập truyện ở độ tuổi từ Tiểu học (6 – 10 tuổi) và Trung học cơ sở (11 – 14 tuổi).

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ QUY TRÌNH THU THẬP, XỬ LÝ NGUỒN NGỮ LIỆU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp mô tả: Phương pháp này được sử dụng trong việc chọn nguồn ngữ liệu và thu thập, xử lý nguồn ngữ liệu có sử dụng hiện tượng ẩn dụ ngữ pháp thức thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong các tác phẩm văn học thiếu nhi thuộc dòng văn học hiện đại. Từ đó, miêu tả hiện tượng này qua những cấu trúc biểu hiện cụ thể trong các tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi và phân tích giá trị của việc sử dụng ADNP thức trong văn học dành cho thiếu nhi.

Thủ pháp so sánh được áp dụng để đối chiếu việc sử dụng các loại ẩn dụ ngữ pháp khác nhau trong các tác phẩm văn học thiếu nhi. Cụ thể, bài viết phân tích đối chiếu sự khác biệt về tần suất xuất hiện các ADNP thức trong các văn bản văn học thiếu nhi.

3.2. Quy trình nghiên cứu, thu thập, xử lý nguồn ngữ liệu

Dựa trên cơ sở lý luận từ nhiều công trình nghiên cứu công bố của các chuyên gia về ẩn dụ trên thế giới, một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam, chúng tôi xây dựng quy trình nghiên cứu, thu thập và xử lý nguồn ngữ liệu như sau:

Bước 1: Phát hiện ẩn dụ: xác định biểu thức ẩn dụ ngữ pháp thể hiện nỗi buồn trẻ thơ có trong các tác phẩm truyện thiếu nhi.

Bước 2: Chuyển đổi ẩn dụ: Chuyển đổi ẩn dụ thành một biểu thức diễn đạt tương thích.

Bước 3: Phân tích các thành phần: Phân tích biểu thức ẩn dụ để hiểu các thành phần và mối quan hệ trong các biểu thức ẩn dụ ngữ pháp.

Bước 4: Giải thích ý nghĩa: Suy nghĩ về những hàm ý và ý nghĩa xuất phát từ việc sử dụng ẩn dụ ngữ pháp.

Bước 5: Phân tích ngữ cảnh: Xem xét ngữ cảnh trong đó ẩn dụ ngữ pháp thức được sử dụng để hiểu mục đích và tác động của nó.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Ẩn dụ ngữ pháp thức nghi vấn thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi Việt Nam

Ở diễn đạt tương thích, thức nghi vấn có thái độ/chức năng/hàm ý/lực ngôn trung trực tiếp dùng để hỏi (nghi vấn). Các văn bản nghệ thuật thông thường, ngoài nghĩa tường minh, nhiều khi nghĩa hàm ẩn (hàm ngôn) có vai trò quan trọng hơn nhiều và là mục đích giao tiếp cuối cùng của văn bản. Nghĩa hàm ẩn trong văn bản nghệ thuật như văn học thiếu nhi được suy ra từ các hình tượng nghệ thuật được xây dựng bởi nhiều phương diện trong đó có diễn đạt hàm ngôn bằng các ẩn dụ thức. Các ẩn dụ thức này tạo nên những liên tưởng và tưởng tượng để người đọc suy ra nghĩa hàm ẩn của văn bản. Có nhiều trường hợp, văn bản nghệ thuật không nói hết ý mà bỏ lửng, người đọc căn cứ vào các từ ngữ, kết cấu ngữ pháp và đặc biệt là các diễn đạt ẩn dụ như ẩn dụ thức mà hiểu ra nghĩa hàm ẩn. Trong nhiều trường hợp, muốn phân tích và suy ra nghĩa hàm ẩn của câu và văn bản nghệ thuật cần phải dựa vào ngữ cảnh, đây cũng chính là quan điểm của ngữ pháp chức năng hệ thống, mà ẩn dụ ngữ pháp thức là một điển hình. Qua thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy thức nghi vấn trong nhiều tình huống khác nhau với nhiều chức năng lời nói khác nhau: khẳng định, bộc lộ cảm xúc, yêu cầu, đề nghị... Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy có 115 mẫu cú nghi vấn có giá trị ngôn trung khác thể hiện nội dung nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi được thể hiện cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 4.1. Ẩn dụ thức nghi vấn thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi:

Loại cú nghi vấn	Số lượng (mẫu)	Tỷ lệ (%)
Cú nghi vấn có giá trị ngôn trung biểu thị khẳng định	38	33
Cú nghi vấn có giá trị ngôn trung biểu thị cảm xúc	48	42
Cú nghi vấn có giá trị ngôn trung biểu thị yêu cầu, đề nghị	29	25
Tổng cộng	115	100

4.1.1. Thức nghi vấn biểu thị chức năng khẳng định

Khảo sát các trường hợp thức nghi vấn biểu thị sự khẳng định xuất hiện trong các văn bản văn học thiếu nhi là hiện tượng phổ biến. Điển đạt tương thích của những ẩn dụ này là cú trần thuật, cầu khiến. Văn học thiếu nhi do chính thiếu nhi sáng tác chiếm số lượng không nhiều, trong đó nổi bật nhất và nổi lên như một hiện tượng phải kể đến Trần Đăng Khoa - người được mệnh danh là “thần đồng thơ thiếu nhi”. Ông sáng tác “Góc sân và khoảng trời” khi mới 10 tuổi (năm 1968). Hoàn cảnh chiến tranh chống Mỹ khốc liệt vừa là chất xúc tác để cậu bé Khoa làm nên những kiệt tác, vừa là tác nhân để lại trong tâm hồn trẻ thơ những “tổn thương” không thể tránh khỏi như: tâm lý sợ hãi trước chiến tranh, căm thù giặc Mỹ, tổn thương bị bắt nạt, cô độc khi không còn cha, mẹ v.v. Tổn thương tinh thần là cái không phải thấy ngay được trực tiếp, có ngay ngôn ngữ để gọi tên, biểu đạt, thường bị trấn áp để trở thành quên lãng nhưng mọi nguy cơ lại bắt đầu từ đây: tổn thương không thể bị hư vô hóa, nó âm ỉ, tiềm tàng :

(1) *Ô! Nó cũng giống người*

Mà sao ở trên trời

Nó ác thế?

(A! Em biết thằng giặc Mỹ rồi!, Trần Đăng Khoa)

(1a) Nó tuy giống con người nhưng lại rất tàn ác.

Ở bước 1 – phát hiện ẩn dụ, chúng tôi nhận thấy hình thức thể hiện (1) là cú nghi vấn với những dấu hiệu đặc trưng: đại từ nghi vấn “mà sao”, cùng tiểu từ tình thái “thế” cùng dấu chấm hỏi cuối câu, thế nhưng chúng ta dễ dàng nhận thấy mục đích câu không dùng để hỏi mà để khẳng định sự tàn độc của “giống người” nhưng lại “ác” với nỗi căm hờn khôn nguôi đối với giặc Mỹ và điều này không thể diễn tả hết được ở điển đạt tương thích (1a). Ở bước 3 - phân tích các thành phần, chúng tôi nhận thấy thức nghi vấn: *Mà sao ở trên trời / Nó ác thế?* với đại từ nghi vấn “mà sao” tạo cảm giác hoang mang, khó hiểu của trẻ thơ khi đối diện với chiến tranh cùng với tiểu từ tình thái cuối câu “thế” thể hiện sự bức xúc, ngạc nhiên và phẫn nộ trước hành động tàn ác. Như vậy, thức nghi vấn nhưng không cần câu trả lời mà chủ yếu để bộc lộ cảm

xúc, thể hiện sự bàng hoàng của một đứa trẻ khi nhận ra sự thật về chiến tranh. Bài thơ được sáng tác trong bối cảnh chiến tranh xâm lược Mỹ ở Việt Nam, khi cậu bé Khoa chứng kiến những trận chiến tàn khốc. Thức nghi vấn trong đoạn thơ thể hiện nỗi buồn, sự phẫn nộ và nhận thức non nớt nhưng sâu sắc về sự tàn khốc của chiến tranh. Điều gì đã khiến cho một đứa trẻ “ăn chưa no, lo chưa tới” viết nên nỗi lòng khắc khoải đến như thế nếu không phải là chiến tranh xâm lược phi nghĩa?

(2) *Sao bạn không tung tăng cắp sách đến trường?*

Bạn đi với đoàn người nước Mỹ

(Xem ảnh *Bạn thiếu nhi Mỹ biểu tình ở Báo ảnh Việt Nam*, Trần Đăng Khoa)

Trẻ em “biết học hành” là ngoan, vì thế cú nghi vấn được Khoa đưa ra “Sao bạn không tung tăng cắp sách đến trường?” không khỏi khiến người đọc chạnh lòng. Thế nhưng không phải Khoa hỏi một vấn đề mà ai cũng biết câu trả lời, giá trị ngôn trung của cú nghi vấn này chính là khẳng định: cuộc chiến tranh phi nghĩa của giặc Mỹ khi xâm lược Việt Nam đã làm cho những đứa trẻ cũng phải thấy “bất bình” đề đi cùng “đoàn người nước Mỹ” biểu tình. Hình thức của cú nghi vấn đã gia tăng sự khẳng định, là một lời tố cáo đanh thép.

4.1.2. Thức nghi vấn biểu thị chức năng bộc lộ cảm xúc

Bên cạnh những cú nghi vấn không được sử dụng với mục đích hỏi mà để khẳng định, trong văn học thiếu nhi, cú nghi vấn được sử dụng với mục đích biểu thị cảm xúc chiếm số lượng lớn. Đó là những cảm xúc mang màu sắc “tổn thương tinh thần” như đau buồn khi mất đi người thân quá sớm, uất hận trước tội ác kẻ thù, bị cha mẹ bỏ rơi, bị bắt nạt... Những tác phẩm truyện thiếu nhi do chính các em sáng tác trong những năm gần đây, chúng tôi nhận thấy cuộc sống hiện đại với sự khắc nghiệt của cuộc sống, những tâm hồn thơ trẻ dễ bị tổn thương nhất:

(3) “Ồ! Hóa ra thằng Hải không cảm à?”

(*Viết câu chuyện của bạn vào đây*, Đoàn Nhật Linh - học sinh Tiểu học)

Nếu như chiến tranh cướp đi tuổi thơ vô tư, thì ở thời đại mới, những áp lực vô hình từ xã hội, từ bạn bè cũng có thể trở thành vết thương sâu sắc trong lòng trẻ thơ. Thoạt nhìn, (3) là một câu hỏi bình thường, nhưng lại mang một hàm ý sắc nhọn như lưỡi dao chạm đến nỗi đau của nhân vật Hải – một cậu bé tự ti vì tật nói lắp của mình. Câu hỏi này không hề nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời, mà thay vào đó, nó mang tính mỉa mai, chế giễu, xoáy sâu vào sự tổn thương của một đứa trẻ nhạy cảm. Và chính sự vô tình (hay thậm chí là vô tâm) của những người bạn đã đẩy Hải đến cảm giác bị cô lập: “Cả lớp rộ lên tiếng cười. Hải bật khóc, cậu chạy vội ra khỏi lớp, phóng vù ra ngoài trường. Cậu không tin được những người bạn cùng lớp lại phản ứng như vậy. Cậu sẽ không và không bao giờ quay lại nơi đó nữa.” (Đoàn Nhật Linh). Ấn dụ

thức không chỉ khắc họa tâm lý mong manh của trẻ em mà còn là một lời cảnh tỉnh về vấn đề bạo lực ngôn từ trong học đường. Trong xã hội hiện đại, chiến tranh không còn là nỗi đau thường trực, nhưng những “vết thương tinh thần” vẫn có thể để lại hậu quả dai dẳng. Những câu nói tưởng như vô hại, những lời trêu đùa tưởng chừng vô tình lại có thể trở thành nỗi ám ảnh suốt đời đối với một tâm hồn non nớt. Vì vậy, ẩn dụ thức trong câu nói này không chỉ giúp khắc họa tâm lý nhân vật, mà còn mở ra một vấn đề lớn hơn: Làm thế nào để trẻ em có thể lớn lên trong một môi trường đầy yêu thương, thay vì phải chịu đựng những tổn thương do chính bạn bè đồng trang lứa gây ra?

Đôi khi, một câu hỏi không chỉ đơn thuần là để thắc mắc hay tìm kiếm câu trả lời, mà còn là lời tự vấn, một cách để bộc lộ những nỗi đau sâu kín nhất. Trong những câu chuyện do chính các em học sinh sáng tác, điều này càng được thể hiện rõ nét, phản ánh tâm trạng cô đơn, tổn thương tinh thần của những đứa trẻ trong xã hội hiện đại:

(4) *"Cha mẹ tôi ư? Tôi chỉ là một đứa con như bị cha mẹ bỏ rơi. Tôi đang có mặt trong một gia đình đầy đủ cha mẹ, mà có cũng như không."* (Ông lão ăn mày, Hồng Liên – học sinh lớp 7).

Ở đây, thức nghi vấn “Cha mẹ tôi ư?” không nhằm mục đích đặt câu hỏi, mà thực chất là một lời tự vấn đau đớn, thể hiện sự hoài nghi về tình thương gia đình. Một đứa trẻ sống trong một mái nhà có cha mẹ, nhưng vẫn cảm thấy bị bỏ rơi, bị lãng quên – đó là nỗi cô đơn cùng cực mà nhiều trẻ em trong xã hội hiện đại có thể đồng cảm. Sự đối lập giữa bề ngoài “gia đình đầy đủ” và cảm giác “có cũng như không” càng làm bật lên sự trống rỗng trong tâm hồn nhân vật. Câu hỏi không hề tìm kiếm câu trả lời, mà là một cách để thốt lên nỗi tuyệt vọng, sự khao khát được yêu thương nhưng không được đáp lại. Ẩn dụ thức trong câu nói này đã góp phần làm nổi bật một thực tế đau lòng: không chỉ trẻ mồ côi mới cảm thấy lạc lõng, mà ngay cả những đứa trẻ sống trong gia đình vẫn có thể mang trong mình nỗi cô đơn sâu thẳm. Nó đặt ra một câu hỏi lớn hơn cho người lớn: Liệu sự hiện diện về mặt thể xác đã đủ để làm tròn vai trò cha mẹ, hay điều quan trọng hơn là sự quan tâm, yêu thương và thấu hiểu?

4.1.3. Thức nghi vấn biểu thị chức năng yêu cầu, đề nghị

Trong những tác phẩm văn học thiếu nhi, ẩn dụ thức không chỉ thể hiện nỗi đau và tổn thương tinh thần, mà còn phản ánh tình yêu thương, sự nhạy cảm và khát khao làm điều gì đó cho người mình yêu quý:

(5) *- Hay con hái Mặt trời xuống tặng mẹ nhé?"*

(Tặng mẹ mặt trời, Lê Khánh Ly)

Hình thức của câu nói là một câu nghi vấn, với từ nghi vấn “hay”, và tình thái từ “nhé” cùng ngữ điệu lên giọng cuối câu. Tuy nhiên, câu này không nhằm tìm kiếm câu trả lời, mà mang ý nghĩa đề nghị, bộc lộ một mong ước tha thiết của nhân vật. Câu

hỏi tường chừng ngây thơ, nhưng lại chứa đựng cả một nỗi niềm sâu lắng. Cô bé hiểu chuyện quá sớm, lớn lên bên người mẹ mù lòa và luôn cảm thấy day dứt vì không thể mang lại hạnh phúc trọn vẹn cho mẹ. “Hái Mặt trời” – một điều không tưởng, nhưng với cô bé, đó lại là cách duy nhất để đem lại ánh sáng cho mẹ, để bù đắp cho mất mát của mẹ sau tai nạn. Ẩn dụ thức trong câu nói này thể hiện rõ sự nhạy cảm và tổn thương tinh thần một cách thụ động. Khi trẻ em nhận thức quá sớm về nỗi đau, sự mất mát, chúng dễ hình thành trong lòng những vết thương không lành, những gánh nặng vô hình mà các em tự đặt lên vai mình. Trong trường hợp này, tình yêu thương quá lớn dành cho mẹ lại vô tình trở thành một áp lực khiến cô bé luôn canh cánh trong lòng. Câu nói không chỉ phản ánh sự vô tư, hồn nhiên của trẻ thơ, mà còn là một lời nhắc nhở đầy xót xa về những nỗi buồn sâu kín mà trẻ nhỏ có thể đang mang trong lòng. Người lớn đôi khi không nhận ra, nhưng những tổn thương ấy âm thầm đeo bám, để lại những vết hằn khó phai trong tâm hồn trẻ thơ.

Trong văn học thiếu nhi, ẩn dụ thức thông qua các câu hỏi mang giá trị tự vấn thường phản ánh nỗi đau nội tâm sâu sắc mà nhân vật đang gánh chịu. Đây không chỉ là một hình thức biểu đạt cảm xúc, mà còn là cách nhân vật tự tìm kiếm giải pháp, tự thuyết phục bản thân đối diện với nghịch cảnh.

4.2. Ẩn dụ ngữ pháp thức trần thuật thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi Việt Nam

Thông thường, cú trần thuật có mục đích cơ bản là: kể lại sự việc, hiện tượng, miêu tả tính chất, đặc điểm, trạng thái, biểu hiện quan hệ của sự vật, hay trình bày nhận định, ý kiến. Về phương diện hình thức, cú trần thuật tiếng Việt không dùng những từ ngữ chuyên dùng như trong các loại cú khác, tuy nhiên về ngữ điệu, cú trần thuật có nét riêng biệt, đó là sử dụng ngữ điệu kết thúc, hạ giọng ở cuối câu, được đánh dấu bằng dấu chấm cuối câu. Tuy nhiên, ở một số trường hợp, về hình thức vẫn là cú trần thuật nhưng lại không được sử dụng với những mục đích cơ bản nêu trên mà được sử dụng với giá trị ngôn trung yêu cầu, đề xuất hoặc bộc lộ cảm xúc. Theo quan điểm ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday (1985), khi đó ẩn dụ ngữ pháp xuất hiện. Khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy có 87 mẫu cú trần thuật có giá trị ngôn trung khác thể hiện nội dung nỗi buồn của trẻ thơ trong các tác phẩm văn học thiếu nhi. Cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 4.2. Ẩn dụ thức trần thuật thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi:

Loại cú trần thuật	Số lượng (mẫu)	Tỷ lệ (%)
Cú trần thuật có giá trị ngôn trung yêu cầu, đề xuất, khuyên bảo, nhắc nhở	27	31
Cú trần thuật có giá trị ngôn trung bộc lộ cảm xúc	50	69
Tổng cộng	87	100

4.2.1. Thức trần thuật biểu thị chức năng khuyên bảo, nhắc nhở

Hy sinh khi còn quá nhỏ, chí lớn không thành, các em đã gửi tất cả hy vọng về một cuộc sống độc lập tự do cho những em nhỏ để tiếp tục chiến đấu. Lời nói thốt ra dưới hình thức của thức trần thuật nhẹ nhàng nhưng lại ẩn chứa nỗi đau đớn khi mỗi thù chung của dân tộc chưa được rửa, chí lớn chưa thành:

(6) *“Ra trận nhìn cái áo của anh thì nhớ trả thù cho anh.”* (Tuổi thơ dữ dội, Phùng Quán)

Câu nói *“Ra trận nhìn cái áo của anh thì nhớ trả thù cho anh.”* trong *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán là một ví dụ điển hình cho hình thức là thức trần thuật nhưng mang giá trị ngôn ngữ của một di nguyện, một lời nhắn gửi đầy đau đớn. Dưới hình thức một câu nói bình thản, nhẹ nhàng, nhưng ẩn chứa trong đó là cả một nỗi đau mất mát và lòng quyết tâm sắt đá. Người chiến sĩ nhỏ tuổi biết rằng mình có thể không còn cơ hội chiến đấu nữa, nhưng niềm tin về sự nghiệp bảo vệ quê hương, mỗi thù chung của dân tộc vẫn còn đó, được gửi gắm cho những người còn sống tiếp tục con đường dang dở. Chi tiết *“nhìn cái áo của anh”* là một hình ảnh đầy ám ảnh. Cái áo không chỉ là một kỷ vật, mà còn là biểu tượng cho sự hi sinh, cho lý tưởng và tinh thần chiến đấu. Nó gợi lên hình ảnh những chiến sĩ nhỏ tuổi ra đi khi chưa kịp trưởng thành, chưa kịp tận hưởng tuổi thơ, chưa kịp thực hiện hết chí lớn của mình. Lời trần thuật ấy không có tiếng gào thét, không có sự bi lụy, nhưng lặng lẽ mà day dứt, như một nỗi đau không lời, như một ngọn lửa âm ỉ cháy mãi trong lòng những người tiếp nối. Thức trần thuật ở đây không chỉ là một câu kể người kể việc bình thường, mà là một lời hứa, một gánh nặng truyền lại cho thế hệ sau, để máu không chảy một cách vô nghĩa, để hi sinh không trở thành vô vọng.

4.2.2. Thức trần thuật biểu thị chức năng bộc lộ cảm xúc

Cú trần thuật nhưng có giá trị ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc là một trong những cách diễn đạt thường thấy trong các tác phẩm văn học thiếu nhi:

(7) *Tuổi con còn thơ dại*

Phải sơ tán xa nhà

Đường Quảng Bình – Vĩnh Phú

Mấy đạn bom vượt qua.

(Mẹ ơi, Hoàng Hiếu Nhân)

(8) *Em ăn cơm độn bột mì*

Áo mặc có nhiều mảnh vá

Giấy em viết còn hằn sợi rơm, sợi nứa

(Đánh giặc, Hoàng Hiếu Nhân)

Những câu thơ trên của Hoàng Hiếu Nhân là minh chứng rõ ràng cho cú trần thuật nhưng mang giá trị ngôn trung bộc lộ cảm xúc. Dưới hình thức câu kể, không có những từ ngữ cảm thán trực tiếp, không có dấu chấm than, nhưng ẩn sâu trong từng câu chữ là những nỗi buồn, sự tủi thân, và cảm giác thiếu thốn mà những đứa trẻ thời chiến phải gánh chịu. Trong *Mẹ ơi*, hình ảnh “tuổi con còn thơ dại” nhưng đã phải “sơ tán xa nhà”, “mấy đạn bom vượt qua” là một sự tường thuật đầy ám ảnh. Trẻ thơ vốn dĩ phải được yêu thương, được chơi đùa trong vòng tay gia đình, nhưng chiến tranh đã cướp đi tất cả, đẩy các em vào cuộc sống lang bạt, đối diện với hiểm nguy.

Tương tự, trong *Đánh giặc*, các câu thơ “Em ăn cơm độn bột mì”, “Áo mặc có nhiều mảnh vá”, “Giấy em viết còn hằn sori rom, sori nứa” là những câu kể không mang sắc thái than vãn, nhưng người đọc vẫn cảm nhận rõ sự khốn khó, thiếu thốn và nỗi tủi thân ngấm ngầm. Những câu thơ này không chỉ đơn thuần tường thuật về hiện thực cuộc sống, mà còn khiến người đọc động lòng trước sự hy sinh thầm lặng của thế hệ thiếu nhi trong chiến tranh. Chính vì thế, cú trần thuật nhưng mang giá trị ngôn trung bộc lộ cảm xúc đã trở thành một thủ pháp nghệ thuật tinh tế, giúp văn học thiếu nhi không chỉ phản ánh hiện thực mà còn chạm đến trái tim người đọc bằng những cảm xúc chân thật, không cường điệu mà vẫn lay động lòng người.

Câu kể nghe nhẹ tênh nhưng lại ẩn chứa cảm xúc tổn thương đến tột cùng: nỗi đau bị bỏ rơi, bị bắt nạt của những đứa trẻ thời nay:

(9) “*Tớ vốn bị tật nói lắp. Vì thế mà tớ không có bạn.*”

(*Viết câu chuyện của bạn vào đây*, Đoàn Nhật Linh)

Câu trần thuật “*Tớ vốn bị tật nói lắp. Vì thế mà tớ không có bạn.*” tưởng chừng đơn giản nhưng lại ẩn chứa nỗi đau sâu sắc của một đứa trẻ bị tổn thương bởi sự kỳ thị và cô lập. Không có bất kỳ từ ngữ mang sắc thái than trách hay oán giận, nhưng chính sự giản dị ấy lại khiến nỗi đau trở nên chân thực và ám ảnh hơn. Câu nói như một sự chấp nhận đầy cam chịu, thể hiện sự cô đơn và mặc cảm của nhân vật khi bị gạt ra khỏi thế giới của bạn bè chỉ vì một khuyết điểm nhỏ. Đây không còn là lời kể đơn thuần mà là sự trần trụi của cảm xúc bị tổn thương, một tiếng lòng xót xa về thực tế nghiệt ngã mà nhiều đứa trẻ đang phải đối diện trong xã hội hiện đại.

4.3. Ẩn dụ ngữ pháp thúc cầu khiến thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi Việt Nam

Mục đích của cú cầu khiến là nêu mệnh lệnh, yêu cầu hay thúc giục... để người nghe thực hiện (hay đừng thực hiện) một hành động hay một trạng thái nào đó. Về hình thức, cú cầu khiến sử dụng hình thức đặc thù đó là ngữ điệu cầu khiến được đánh đầu bằng dấu chấm than và sử dụng những phụ từ: *hãy, đừng, chớ...* ở phía trước, hay *đi, thôi, nào...* ở sau bộ phận thể hiện ý cầu khiến, hoặc có thể dùng các động từ tình thái như *nên, cần, phải...* ở trước vị ngữ của câu. Tuy nhiên, trong một số trường

hợp mà chúng tôi khảo sát trong văn học thiếu nhi với nội dung thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ, cú có hình thức là cầu khiến nhưng lại có giá trị ngôn trung biểu thị sự cảnh báo, khuyên bảo hay hứa hẹn. Và trong những trường hợp này, ẩn dụ ngữ pháp xuất hiện. “*Một thiên nằm mộng*” là truyện được viết dưới ngòi bút của một tác giả còn trẻ Nguyễn Ngọc Thuần, đạt giải A văn xuôi trong “Cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi 2001-2002” do NXB Kim Đồng tổ chức. Nhân vật “em” trong tác phẩm được dạy phải sợ bà cả Sề, phải sợ con gà gáy 45 độ, phải sợ hai đứa trẻ chỉ có 3 tay, phải sợ ngòi mộ ông cả Bầy, và đủ mọi điều có linh hồn khác. Sinh ra với thân thể không lành lặn như bao đứa trẻ khác khi cả hai anh em bị dính vào nhau khiến cho những đứa trẻ khác nghi kị:

(10) “*Khi nào gặp nó, mày không được hỏi tại sao nó có bốn chân mà chỉ có ba tay nghe chưa, nó sẽ nghĩ chơi tao đó!*” (*Một thiên nằm mộng*, Nguyễn Ngọc Thuần)

Câu nói “*Khi nào gặp nó, mày không được hỏi tại sao nó có bốn chân mà chỉ có ba tay nghe chưa, nó sẽ nghĩ chơi tao đó!*” mang hình thức của một câu cầu khiến với cụm động từ “*không được hỏi*”, nhưng giá trị ngôn trung lại là một lời khuyên đầy nhạy cảm. Đây không đơn thuần là một lời nhắc nhở mà còn ẩn chứa sự ý thức về nỗi đau và mặc cảm của hai đứa trẻ có thân thể không lành lặn. Chính sự nghi kị, tò mò của những đứa trẻ bình thường vô tình tạo ra khoảng cách và khiến những đứa trẻ tật nguyên trở nên lạc lõng, cô đơn. Câu nói ấy phản ánh rõ nét một thực tế rằng, đôi khi chính trẻ con cũng phải học cách thấu hiểu và cân trọng trong lời nói để không vô tình làm tổn thương người khác. Ẩn đằng sau lời khuyên đó không chỉ là sự dè dặt mà còn là một nỗi buồn âm thầm về sự khác biệt, về những ánh mắt dò xét mà hai anh em phải chịu đựng trong thế giới của mình.

4.4. Ẩn dụ ngữ pháp thức cảm thán thể hiện nỗi buồn của trẻ thơ trong văn học thiếu nhi Việt Nam

Cũng giống như các trường hợp ở trên, câu cảm thán có mục đích bộc lộ rõ rệt và trực tiếp cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói. Ở câu cảm thán, dùng phương tiện ngôn ngữ đặc thù: dấu chấm than thể hiện ngữ điệu cảm thán khi viết. Trong câu cảm thán thường sử dụng các thán từ: ôi, ôi chao, ái chà xiết bao, cực kì, ... Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để thể hiện nội dung nghĩa chấn thương tâm lý, các tác giả văn học thiếu nhi lại sử dụng cú cảm thán với giá trị ngôn trung khẳng định hoặc phủ định với 39 mẫu. Ví dụ:

(11) - *Tên em xấu lắm, chị biết để làm gì!* (*Mưa bão trong đêm*, Cao Nguyễn Thiên Lý, lớp 5)

Mặc dầu còn nhỏ tuổi, nhưng sự mặc cảm về cái nghèo của mình đã làm cho cậu bé luôn xa lánh tất cả. Những sáng tác của thiếu nhi đôi khi làm cho người lớn cũng phải ngỡ ngàng. Ngỡ ngàng trước sự hiểu đời, về những suy nghĩ “rất người

lớn” trong tâm hồn vốn dĩ non nớt ở lứa tuổi này. Chính nhờ những cuộc thi sáng tác này mà chúng ta nhận ra những thiệt thòi, những mặc cảm, những vết thương lòng mà các em đang chịu. Ví dụ (11) tuy mang hình thức của một câu cảm thán, nhưng giá trị ngôn trung lại là một lời khẳng định đầy mặc cảm. Ẩn sau câu nói ngắn gọn ấy là sự tự ti, sự thu mình của cậu bé trước cuộc đời. Dù còn nhỏ, em đã ý thức được sự khác biệt, sự thua thiệt của mình và dường như luôn mang trong lòng nỗi lo sợ bị đánh giá, bị coi thường. Qua từng câu chữ, người đọc cảm nhận được những vết thương lòng mà các em đang âm thầm chịu đựng – những vết thương không dễ xóa nhòa.

4. KẾT LUẬN

Về mặt lí luận, bài viết đã hệ thống hoá nội dung lí thuyết về ẩn dụ thức một trong những loại ẩn dụ ngữ pháp từ góc nhìn ngôn ngữ học chức năng hệ thống. Có thể thấy rằng trong văn học thiếu nhi, ẩn dụ thức thể hiện khá phong phú qua các hình thức của cú với những giá trị ngôn trung khác nhau phụ thuộc vào văn cảnh.

Về mặt ứng dụng, từ những khảo sát cụ thể trong thể loại truyện thiếu nhi với hai nhóm tác giả thuộc hai độ tuổi khác nhau, chúng tôi có những căn cứ để xác định rằng ẩn dụ thức là một trong những cách thức sử dụng ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi. Đồng thời, ẩn dụ thức đã đem lại cách diễn đạt hiệu quả với nội dung *nỗi buồn của trẻ thơ* với nhóm đối tượng yếu thế là trẻ em được thể hiện qua các tác phẩm văn học. Có thể thấy rằng, nghiên cứu ngôn ngữ để tìm ra những *nỗi buồn của trẻ thơ* để chúng ta có thể nhìn nhận và đánh giá đúng nhất về những mất mát tinh thần, từ đó có giải pháp thích hợp hoặc có sự quan tâm thích đáng để “chữa lành” cho các em là điều nên làm trong thời đại hiện nay. Đồng thời, bài viết cũng mở ra nhiều hướng nghiên cứu chẳng hạn như nghiên cứu liên ngành giữa ngôn ngữ học và tâm lý học: Phân tích cách trẻ em sử dụng ngôn ngữ để bộc lộ tổn thương tâm lý giúp làm rõ hơn mối liên hệ giữa diễn ngôn và tâm lý phát triển; hay xây dựng chương trình giảng dạy giúp học sinh phát triển kĩ năng diễn đạt: Các bài học về văn học có thể kết hợp với kỹ năng giao tiếp, giúp học sinh nhận biết và sử dụng hiệu quả các hình thức ngôn ngữ mang giá trị ẩn dụ thức để diễn đạt cảm xúc và ý kiến cá nhân v.v.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bessel Van Der Kolk, M.D (Lê Phan Như Quỳnh dịch) (2020), *Sang chấn tâm lý – hiểu để chữa lành*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [2]. Bruce D Perry, Oprah Winfrey (Trịnh Ngọc Minh dịch) (2022), *Chữa lành những sang chấn tuổi thơ*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [3]. Halliday, M.A.K. (1985), *An Introduction to Functional Grammar*. London: Arnold.
- [4]. Halliday, M.A.K. (2014), *Halliday's Introduction to Functional Grammar (4th ed.,* Routledge, London and New York.
- [5]. Jonice Webb, Christine Musello (Việt Tú dịch) (2021), *Lấp đầy trống rỗng – chữa lành tổn thương cảm xúc thời thơ ấu*. NXB Dân trí, Hà Nội.
- [6]. Đoàn Giỏi (2023), *Đất rừng phương Nam*, NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [7]. Phùng Quán (2019). *Tuổi thơ dữ dội*. NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [8]. Tuyển tập “Đoá hoa đồng thoại” lần thứ 1 (2021). NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [9]. Tuyển tập “Đoá hoa đồng thoại” lần thứ 2 (2022). NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [10]. Tuyển tập “Đoá hoa đồng thoại” lần thứ 4 (2023). NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- [11]. Tuyển tập truyện “*Lớp học gà con*” (1992). Trung tâm Văn hoá Bình Định.
- [12]. *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám* (2001). NXB Giáo dục, Hà Nội.

**METAPHORS OF MOOD REPRESENTING CHILDREN'S SORROWS
IN VIETNAMESE CHILDREN'S LITERATURE
FROM A SYSTEMIC FUNCTIONAL LINGUISTICS PERSPECTIVE**

Nguyen Thi Bich Ha

Pham Van Dong University, Quang Ngai Province

Email: ntbha@pdu.edu.vn

ABSTRACT

Metaphors of mood are a subcategory of interpersonal grammatical metaphor, as proposed by linguist Halliday (1985). Based on the theory of systemic functional linguistics, this paper analyzes and describes the grammatical characteristics of mood metaphors and highlights their role in conveying the theme of “childhood sorrows” among the vulnerable group of children - through Vietnamese children's literature. The study examines how these metaphors express psychological trauma, loss, deprivation, and feelings of inferiority experienced by children. Furthermore, it proposes directions for research and language teaching from a systemic functional perspective to enhance students' literary appreciation and linguistic thinking, thereby fostering empathy and awareness of social issues related to children.

Keywords: Childhood sorrow, children's literature, grammatical metaphor, mood metaphor.



Nguyễn Thị Bích Hà sinh ngày 16/3/1993 tại Quảng Ngãi. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn năm 2015 tại trường ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học năm 2022 tại ĐH Sư phạm Đà Nẵng, hiện đang theo học NCS tại trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng chuyên ngành Ngôn ngữ học. Bà đang công tác tại Bộ môn Giáo dục tiểu học, khoa Sư phạm Tự nhiên, trường Đại học Phạm Văn Đồng, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2016.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học, Văn học thiếu nhi.